TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 16, 15/04 – 19/04/2024

VNINDEX giảm hơn 100 điểm trong tuần qua

Tiêu điểm:

- Tỷ giá tăng 4.9% so với đầu năm, Ngân hàng Nhà nước bán ngoại tệ can thiệp cho các tổ chức tín dụng âm trạng thái
- Cục diện căng thẳng tại Trung Đông tiếp tục bị đẩy cao khi cả Israel và Iran liên tiếp đưa ra những tuyên bố cứng rắn mang nội dung đe dọa và cảnh báo nhằm vào nhau.

Đánh giá: Chúng tôi cho rằng việc kích hoạt đà giảm mạnh của VNINDEX trong tuần qua đến từ 2 yếu tố sau: (1) Áp lực tỷ giá ngày càng gia tăng: Bắt đầu từ cuối tháng 2, chỉ số DXY có dấu hiệu tăng mạnh và đạt 106 điểm vào hôm nay (19/04) (+2% trong tuần qua) gây áp lực lớn đến tỉ giá trong nước. Tính từ đầu năm, tỉ giá tự do đã tăng 4.2%, gây áp lực lên việc tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ mở rộng của Việt Nam. (2) Căng thẳng địa chính trị giữa Iran và Israel diễn ra sau đó vào tối 13/04 vừa qua như là chất xúc tác kích hoạt cho phiên giảm mạnh gần 60 điểm ngày 15/04 sau đó, tiếp tục kéo theo đà giảm liên tục của thị trường.

Góc nhìn kĩ thuật: Trên đồ thị tuần, VNINDEX đóng cửa tại 1,174 (-101.75 điểm, -7.97%) với thanh khoản ở mức cao. Thị trường đã thủng các ngưỡng hỗ trợ quan trọng và đang giao dịch tại vùng EMA 200. Trong phiên thứ 6, thị trường đã hình thành cây nến có râu nến dài cho thấy biến động rất mạnh và giằng co giữa cung cầu.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư nên bình tĩnh và tận dụng những nhịp hồi để hạ tỉ trọng cổ phiếu xuống mức an toàn, không nên bắt đáy vì thị trường chưa có dấu hiệu ngừng giảm.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,175	-8.0	-5.5	0.5	4.0		15.8	1.7	191
Upcom Index	87	-4.4	-3.5	0.0	0.1		12.6	1.3	48
HNX Index	221	-8.5	-6.7	-4.0	-4.4		22.8	1.2	11
VN30 Index	1,194	-7.1	-3.4	1.7	5.5		12.2	1.6	134
S&P 500 Index	5,011	-2.2	-3.2	3.5	5.1		24.0	4.6	43,754
STOXX Europe 600 Index	497	-1.7	-1.7	5.8	3.7		14.7	2.0	14,209
Hang Seng	16,224	-3.0	-1.8	6.0	-4.8		9.2	1.0	2,469
Nikkei 225	37,068	-6.2	-7.3	3.1	10.8		27.2	2.2	4,519
SHCOMP Index	3,065	1.5	0.1	8.2	3.0		13.0	1.3	6,486
STI Index	3,174	-1.3	0.0	0.7	-2.0		11.3	1.1	354
KOSPI Index	2,592	-3.4	-2.4	4.8	-2.4		19.1	0.9	1,500

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Hoàng Nam
☎ (84-28) 6299 7603
✉ nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Định giá Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-8.0	-5.2	5.2	32.5	9.6	15.1	79.1	1.8	13.2	1.7	4,181,069
Mid Cap	-8.1	-7.1	4.7	20.0	-3.8	-2.8	19.5	-1.5	19.4	1.2	530,720
Small Cap	-20.7	-22.6	-12.6	7.1	-1.1	-5.3	1.3	-0.3	58.3	0.6	68,052

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Định giá Vốn hóa (Tỷ VND)
Truyền thông	-1.1	-11.0	-21.5	6.3	-34.7	-37.8	0.0	0.0	28.0	0.9	1,679
Dược và Y tế	-2.9	-2.8	5.8	44.4	35.2	29.0	0.1	0.0	15.3	2.0	36,662
Tiện ích	-5.0	-5.6	-0.2	32.1	23.4	20.3	1.3	0.0	15.6	1.8	296,837
Ô tô & Phụ tùng	-5.9	-3.8	4.4	-20.5	-21.9	-11.9	0.4	-0.2	17.2	1.1	15,262
Thực phẩm và đồ uống	-6.1	-8.1	-5.6	27.4	7.5	7.4	8.0	-0.1	22.3	2.2	402,713
Công nghệ Thông tin	-6.2	-2.5	11.4	61.8	35.2	20.8	1.9	0.4	22.2	3.6	152,978
Du lịch và Giải trí	-6.4	6.6	5.6	20.2	58.0	101.4	1.0	-0.1	n.a	22.9	101,983
Bảo hiểm	-6.6	-6.6	-1.1	45.0	10.3	-12.2	0.1	0.0	13.1	1.4	40,297
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-6.7	-6.3	9.8	20.0	-7.9	1.4	5.2	-0.4	14.4	1.4	143,142
Ngân hàng	-6.9	-2.0	12.1	49.7	26.7	29.3	23.6	3.2	9.7	1.6	1,927,352
Dầu khí	-7.3	-7.3	1.3	3.4	-5.3	7.3	1.1	-0.3	21.3	2.1	60,313
Bán lẻ	-7.4	0.2	13.2	1.7	-12.7	-9.0	3.2	-0.9	217.2	3.4	105,385
Tài nguyên cơ bản	-7.9	-7.8	-2.0	44.6	3.3	-5.2	6.1	0.6	30.2	1.4	207,634
Hàng cá nhân & Gia dụng	-8.2	-5.0	8.9	16.2	6.4	15.5	1.3	-0.1	14.7	1.9	58,054
Hóa chất	-10.7	-11.9	18.6	18.1	-5.2	-13.5	3.6	-0.3	6.9	1.8	211,117
Bất động sản	-11.6	-10.0	-5.5	16.6	3.1	21.4	23.2	-2.6	13.7	1.1	712,908
Tài chính	-14.2	-13.0	0.7	38.0	3.5	4.4	15.2	0.9	19.4	1.5	182,518
Xây dựng và vật liệu	-17.0	-15.8	-4.5	27.0	-12.7	-17.1	4.7	-0.1	21.2	1.1	120,869

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,103**	-29.0	-132.6	-261.2	-313.2
Nước ngoài	**2,170**	-24.1	-86.1	-184.8	-99.9
VanEck Vectors Vietnam ETF	494	0.0	0.0	1.3	70.6
Fubon FTSE Vietnam ETF	759	-4.2	-48.7	-33.9	35.2
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	412	-9.6	-19.6	-77.9	-207.0
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	299	-10.3	-17.8	-42.0	28.4
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	181	0.0	3.0	-27.5	-21.1
Premia MSCI Vietnam ETF	10	0.0	-3.0	-4.8	-5.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	4	0.0	0.0	0.0	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**933**	-4.9	-46.5	-76.4	-213.3
DCVFMVN Diamond ETF	554	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	286	-0.3	-16.9	-43.4	-82.1
SSIAM VNFIN LEAD ETF	55	-3.4	-28.5	-30.4	-129.5
MAFN VN30 ETF	24	0.0	0.1	-0.4	-1.5
SSIAM VNX50 ETF	4	-1.2	-1.2	-2.2	-2.1
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	5	0.0	0.0	0.0	1.9

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-6,066	-33,134	-67,495
Ấn độ	-779	-411	-411	948
Indonesia	-226	-698	-698	988
Nhật Bản*	11,355	22,993	22,993	33,397
Maylaysia	-272	-421	-421	-607
Philippines	-46	-86	-86	77
Hàn Quốc	-573	1,574	2,083	13,763
Sri Lanka	-1	3	3	-23
Đài Loan	-3,133	-3,719	-3,719	1,011
Thái Lan	-183	85	85	-1,849
Việt Nam	-73	-184	-184	-585

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

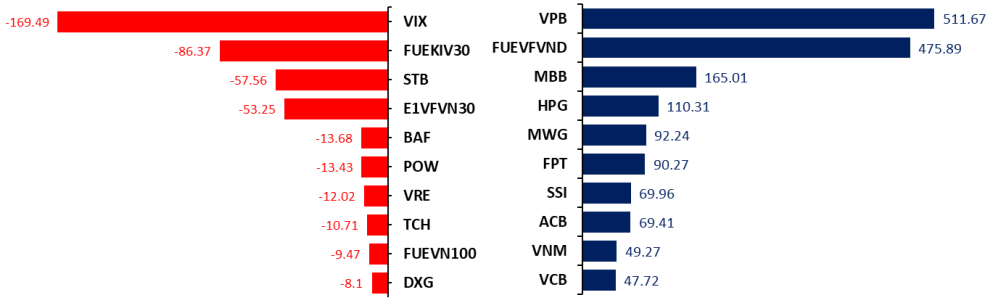
Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

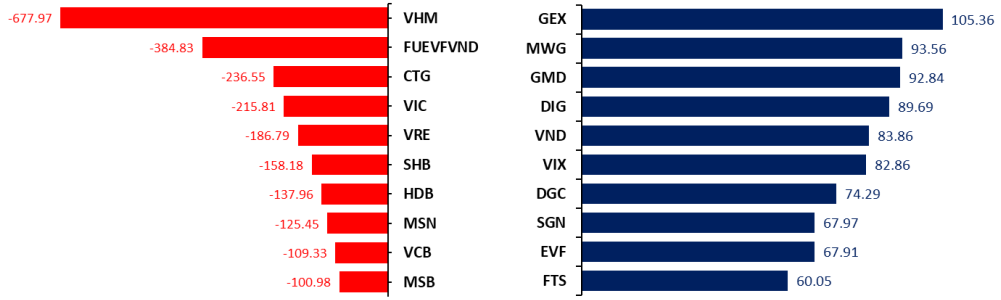
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	105	-804	683	121
Tài nguyên Cơ bản	161	-201	-79	280
Truyền thông	0	0	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	63	130	-241	111
Y tế	6	4	-8	4
Hóa chất	36	18	-22	4
Dịch vụ tài chính	234	-364	9	356
Du lịch và Giải trí	26	-17	-5	22
Ngân hàng	949	-905	-63	968
Xây dựng và Vật liệu	54	38	-30	-7
Thực phẩm và đồ uống	94	-160	92	68
Bán lẻ	108	169	-423	254
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-5	-2	23	-21
Hàng cá nhân & Gia dụng	37	-38	-41	79
Công nghệ Thông tin	92	5	-153	148
Ô tô và phụ tùng	-11	11	23	-34
Bảo hiểm	3	-15	24	-9
Dầu khí	64	-65	-10	75
Tổng	2,016	-2,197	-222	2,419

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	FIR	Bất động sản	6.56 - 36.00	6.6	-23.5%
2	ST8	Công nghệ Thông tin	7.43 - 31.50	7.5	-21.2%
3	DXG	Bất động sản	11.74 - 21.97	15.6	-21.2%
4	BSI	Dịch vụ tài chính	25.42 - 67.30	49.8	-20.7%
5	NHA	Xây dựng và Vật liệu	12.50 - 25.20	18.5	-19.9%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
24.0%	17.9	4.00 - 17.85	Bất động sản	QCG
21.3%	10.7	8.17 - 15.60	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	TTE
13.3%	56.9	49.20 - 67.50	Hóa chất	TNC
12.9%	1.5	1.23 - 3.56	Hóa chất	QBS
7.4%	56.9	11.40 - 19.95	Thực phẩm và đồ uống	SCD

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	TKG	Tài nguyên Cơ bản	5.00 - 16.50	5.0	-26.5%
2	HMR	Xây dựng và Vật liệu	6.70 - 27.80	17.0	-25.4%
3	SPC	Hóa chất	8.70 - 17.50	8.7	-25.0%
4	TA9	Xây dựng và Vật liệu	10.20 - 17.80	12.3	-21.7%
5	IDJ	Bất động sản	4.40 - 15.90	4.4	-21.4%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
31.6%	10.0	7.60 - 19.80	Du lịch và Giải trí	ATS
30.4%	17.6	9.50 - 17.60	Tài nguyên Cơ bản	TKU
20.7%	14.6	11.40 - 29.10	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VCM
20.7%	29.2	13.60 - 37.40	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VMS
18.1%	17.6	12.30 - 17.60	Truyền thông	ALT

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	BSD	Thực phẩm và đồ uống	8.50 - 26.10	8.5	-35.6%
2	VFC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	45.50 - 106.60	60.4	-32.4%
3	LMH	Bất động sản	1.30 - 5.50	1.3	-31.6%
4	VTL	Thực phẩm và đồ uống	5.10 - 15.50	5.3	-30.3%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	3.40 - 7.20	3.4	-27.7%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
57.5%	6.3	2.60 - 6.30	Thực phẩm và đồ uống	HAV
42.9%	15.0	8.00 - 18.60	Hóa chất	HPH
22.9%	11.8	6.40 - 16.40	Hàng cá nhân & Gia dụng	GTD
22.4%	6.0	4.60 - 16.30	Xây dựng và Vật liệu	SJC
20.0%	0.6	0.50 - 1.10	Hàng cá nhân & Gia dụng	G20

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cố phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	PGD	CTCP Cảng Quy Nhơn	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	205.8	242.9	34.6	30.00 - 55.91	-7.9
2	NCT	DV Hàng hóa Nội Bài	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	764.5	186.9	87.1	82.00 - 98.10	-2.7
3	DVP	ĐT và PT Cảng Đình Vũ	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1,018.0	165.4	73.5	48.00 - 79.30	-4.0
4	RAL	Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	Hàng cá nhân & Gia dụng	4,368.6	128.8	131.0	87.00 - 138.00	0.7
5	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	Bảo hiểm	17,719.0	108.5	38.5	38.20 - 48.40	-7.1
6	OGC	Tập đoàn Đại Dương	Dịch vụ tài chính	2,978.8	106.5	5.8	5.45 - 10.05	-9.8
7	HAX	Ô tô Hàng Xanh	Ô tô và phụ tùng	10,734.3	105.0	15.2	12.65 - 17.20	-0.3
8	SHB	SHB	Ngân hàng	444,185.2	104.1	11.2	9.11 - 13.60	0.5
9	QCG	Quốc Cường Gia Lai	Bất động sản	34,317.1	101.7	17.9	4.00 - 17.85	32.2
10	TNH	Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên	Y tế	7,587.9	91.5	20.6	17.00 - 25.17	-6.6

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

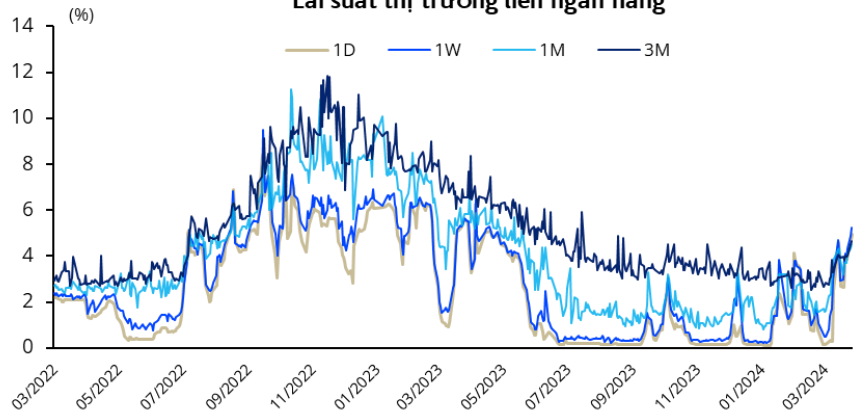
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	106.07	0.0	2.2	2.7	4.7	
VND/USD	25,453	1.7	2.8	3.7	4.9	
KRW/USD	1,382.30	0.5	3.2	3.2	7.3	
JPY/USD	154.46	0.8	2.4	4.3	9.5	
EUR/USD	0.94	-0.1	2.0	2.3	3.6	
SGD/USD	1.36	0.1	1.5	1.6	3.2	
CNY/USD	7.24	0.1	0.6	0.7	2.0	

Hàng hóa

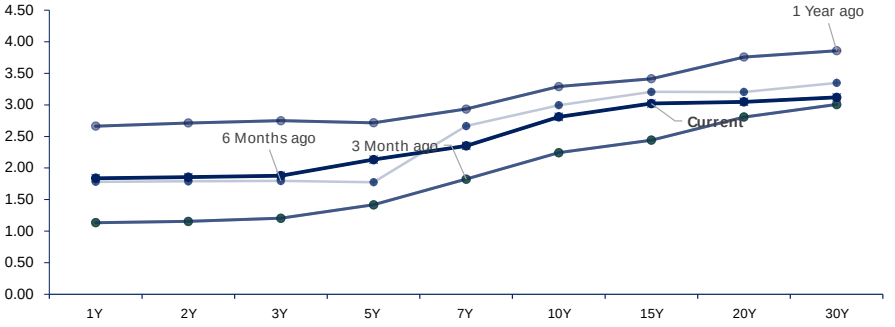
	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	83.21	-2.9	-0.3	13.3	16.1	
Xăng	270.72	-3.4	-2.0	25.2	28.8	
Gas	1.74	-1.5	-0.1	-30.8	-30.7	
Than	129.60	0.7	-0.1	0.5	-11.5	
Vàng	2,383.28	1.7	10.5	17.4	15.5	
Bạc	28.31	1.6	13.6	25.2	19.0	
Platinum	938.57	-3.9	4.6	3.9	-5.4	
Quặng sắt	107.95	3.1	-2.3	-20.7	-20.8	
Thép cán	3,842.00	2.0	0.9	-5.0	-5.8	
Lúa mì	544.50	-2.1	-1.4	-8.2	-13.3	
Ngô	431.50	-0.9	-1.8	-3.1	-8.4	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.84	1.85	1.88	2.13	2.35	2.81	3.02	2.44	3.21
Thay đổi (BPS)*	4.60	5.00	5.40	5.50	6.90	4.90	5.40	2.10	0.90

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.